

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 01 năm 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Anh Pha – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 294/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 300/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 301/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh V, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ G thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (ông V vắng mặt)

Người đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2023. (bà T có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Phan Hoàng U, sinh năm 1993; địa chỉ: Số K đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (bà U có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị Duy L, thẻ luật sư số 10993/LS thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, thuộc Công ty L1, địa chỉ: số B đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (LS L có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ D phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Võ Phan Hoàng U, là bị đơn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Thông qua quan hệ quen biết, tháng 12/2022 bà Võ Phan Hoàng U (là bạn thân của bà Nguyễn Thị Ánh H, bà H là vợ ông Lê Minh V) có vay của ông Lê Minh V số tiền 500.000.000 đồng; mục đích bà U vay tiền là để đáo hạn khoản vay của Ngân hàng. Trên cơ sở bà U là bạn thân của bà H (hiện nay ông V và bà H đã ly hôn) nên ông V đã đồng ý cho bà U vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau 03 tháng (đến tháng 3/2023) bà U sẽ trả nợ cho ông V; đồng thời thỏa thuận lãi tính từ ngày 5/12/2022, lãi suất 6%/năm.

Thực hiện theo thỏa thuận, ông V đã chuyển tiền cho bà U 02 lần, cụ thể:

+ Lần 1: Vào ngày 24/12/2022, ông V chuyển vào tài khoản của bà U số 1903604371015 tại Ngân hàng T1 số tiền 200.000.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 04/01/2023, ông V chuyển vào tài khoản của bà U số 1903604371015 tại Ngân hàng T1 số tiền 300.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến thời hạn thỏa thuận thì bà U đã không thực hiện theo đúng cam kết. Ông V đã chủ động gọi điện và đến nhà yêu cầu bà U trả nợ nhưng bà U cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông V.

Tiền lãi tạm tính từ ngày 04/01/2023 đến ngày 22/5/2023 là 04 tháng 18 ngày (138 ngày), thành tiền: $500.000.000đ \times 6\%/365 \times 138 \text{ ngày} = 11.342.465 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, vào ngày 29/8/2022, bà U còn vay của ông V số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để bà U làm răng; ông V đã chuyển vào tài khoản của bà U số 1903604371015 tại Ngân hàng T1 số tiền 20.000.000 đồng. Bà U đã trả cho ông V số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/11/2022, còn nợ lại ông V số tiền 10.000.000 đồng. Tiền lãi của khoản tiền này tạm tính từ ngày 11/11/2022 đến ngày 22/5/2023 là 06 tháng 11 ngày (191 ngày), thành tiền: $10.000.000 \text{ đồng} \times 6\%/365 \times 191 \text{ ngày} = 313.972 \text{ đồng}$.

Căn cứ về các lần giao dịch chuyển khoản nợ vay nêu trên được thể hiện trong các bản sao kê tài khoản mà ông V đã nộp kèm theo đơn khởi kiện.

Tổng số tiền bà U còn nợ ông V tính đến ngày 22/5/2023 là 521.656.437đ (năm trăm hai mươi một triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 510.000.000 đồng, nợ lãi là 11.656.437 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà U trình bày đã chuyển số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Ánh H, về vấn đề này ông V cho rằng mình đã hoàn thành việc chuyển tiền vay theo đúng thỏa thuận với bà U, còn sau đó bà U sử dụng vào mục đích gì ông V không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Minh V rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, ông V yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết buộc bà Võ Phan Hoàng U phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Minh V tổng số tiền nợ gốc vay là: 457.500.000đ (bốn

trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn là bà Võ Phan Hoàng U trình bày trong quá trình tố tụng như sau:

Ông Lê Minh V có vợ là bà Nguyễn Thị Ánh H. Hiện nay, vợ chồng ông V, bà H đang sống tại tổ G, thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Ông V, bà H và bà U có mối quan hệ bạn bè thân thiết lâu năm. Vào năm 2022, bà Hồng M của bà U 500.000.000 đồng nhưng bà U không có đủ điều kiện để cho mượn. Thấy vậy, bà H nhờ bà U đứng ra vay của ông V 500.000.000 đồng thì bà U đồng ý, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 24/12/2022, bà H nhờ bà U mượn tiền ông V bằng cách là bà U nhắn tin cho bà H với nội dung bà U cần đáo hạn 200.000.000 đồng trong 5 ngày để bà H đưa đoạn tin nhắn này cho ông V để ông V tin rằng bà U là người mượn tiền. Sau khi trao đổi, ông V đã đồng ý chuyển khoản cho bà U 200.000.000 đồng vào tài khoản. Khi nhận được tiền, bà H đã hỏi thúc bà U phải chuyển gấp số tiền trên cho bà và yêu cầu bà U chuyển tiền với nội dung: “*Uyên chuyển tiền hàng*”, bà U đã chuyển cho bà H 200.000.000 đồng vào tài khoản V1– số tài khoản: 0041000246225, chủ tài khoản: Nguyễn Thị Ánh H ngày 24/12/2022 theo đúng yêu cầu của bà H.

Lần 2: Vào ngày 02/01/2023, bà H nhờ bà U mượn của ông V số tiền 300.000.000 đồng để giải quyết nợ nần. Sợ ông V không đồng ý cho vay tiền nên bà H nói bà U lấy lý do là: Ngày 03/01/2023 nhà bà U đáo hạn ngân hàng nên phải có tiền để nộp, hơn nữa bà U đang chung tiền mua đất nên khoảng tháng 3, tháng 4 bà U bán đất sẽ xoay tiền trả lại. Nghe vậy, ông V đã đồng ý và hẹn 02 ngày sau sẽ chuyển tiền. Sau khi nhận tiền từ ông V, bà U đã chuyển toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cho bà H mượn.

Và trước đó, bản thân bà U có mượn của ông V 20.000.000 đồng để làm răng, sau đó đã trả được 10.000.000 đồng

Như vậy, số tiền 500.000.000 đồng mà bà U vay của ông V là do bà H nhờ bà U vay giúp, sau khi nhận tiền từ ông V bà U chuyển sang cho bà H, bà H là người sử dụng số tiền 500.000.000 đồng nên phải có trách nhiệm trả. Trong quá trình này, bà U cũng đã trả cho ông V 2 lần chuyển khoản số tiền là 52.500.000 đồng, còn thực sự bản thân bà U chỉ vay của ông V 20.000.000 đồng để làm răng và đã trả 10.000.000 đồng.

Bà U cho rằng số tiền 510.000.000 đồng bà nợ của ông V là tiền chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông V và bà H nên ông V chỉ được yêu cầu bà U trả ½ số tiền này.

Từ tất cả những căn cứ trên nên tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Phan Hoàng U không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh V. Bà U chỉ đồng ý trả cho ông V số tiền là $510.000.000đ \times 50\% - 52.500.000đ = 202.500.000đ$ đồng.

* Bà Nguyễn Thị Ánh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Bản trình bày ngày 23/8/2023 nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Minh V là vợ chồng, kết hôn vào năm 2017. Bà

H và ông V đã ly hôn theo Quyết định số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian bà H và ông V còn là vợ chồng, bà U đã hỏi mượn bà H số tiền 20.000.000 đồng để đi làm răng. Bà H không có tiền nên bà U nhờ bà H nói với ông V cho bà U vay mượn số tiền trên. Ông V đồng ý và chuyển tiền từ tài khoản cá nhân ông V qua tài khoản của bà U. Bà U đã trả nợ được cho ông V 10.000.000 đồng và còn nợ ông V 10.000.000 đồng. Việc này do cả bà U và ông V nói cho bà H biết.

Ngoài ra, bà U có nói với bà H và ông V rằng sổ đỏ căn nhà cha mẹ bà U đã thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền nay đến ngày đáo hạn Ngân hàng nhưng bà U không có tiền để thanh toán nên bà U đã trực tiếp hỏi ông V mượn số tiền 500.000.000 đồng, hạn trong thời hạn từ ba đến bốn tháng sẽ trả. Chính vì bà H và bà U chơi thân với nhau nên ông V đã tin tưởng đồng ý cho bà U vay mượn số tiền 500.000.000 đồng.

Lúc ông V chuyển tiền cho bà U thì bà H không biết. Sau này, ông V mới nói cho bà H biết ông đã chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng của bà U, bà U đã nhận được tiền nhưng lại không thực hiện theo đúng cam kết trả nợ cho ông V.

Đối với số tiền bà U đang nợ của ông V, bà H xác định đây là số tiền riêng của ông V cho bà U vay mượn, là tài sản riêng của ông V, ông V toàn quyền định đoạt, quyết định cho ai vay mượn đó là việc riêng của ông và không liên quan gì đến bà H.

Vì vậy, việc bà U trình bày với Tòa án cho rằng số tiền 500.000.000 đồng bà U hỏi vay của ông V là đứng ra mượn giúp cho bà H là hoàn toàn sai sự thật. Bởi lẽ số tiền trên ông V là người đã trực tiếp chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân của bà U tổng các lần chuyển khoản với số tiền là 520.000.000 đồng. Nay do bà U không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho V nên ông V khởi kiện buộc bà U trả nợ là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Nếu bà U cho rằng số tiền đó bà đứng ra vay mượn giúp bà H thì đó là việc riêng giữa bà H và bà U, không liên quan đến ông V. Như vậy, bà U có thể làm đơn khởi kiện bà H ở một vụ án khác. *Với nội dung trên*, tại Bản án số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 118, 119, 274, 280, 352, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Minh V đối với bị đơn, bà Võ Phan Hoàng U.

Buộc bà Võ Phan Hoàng U phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh V tổng số tiền nợ gốc căn cứ trên giao dịch chuyển khoản thực tế 03 lần vào các ngày

29/8/2022, 24/12/2022 và 04/01/2023 (chi tiết sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh Đ từ ngày 29/8/2022 đến ngày 28/02/2023) là 457.500.000 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V yêu cầu bà Võ Phan Hoàng U có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2023 là 11.656.437 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2023, bà Võ Phan Hoàng U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Lê Minh V phải chịu toàn bộ các nghĩa vụ về án phí, chi phí tố tụng khác.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn và luật sư bảo vệ cho bị đơn thay đổi kháng cáo, đồng ý trả cho nguyên đơn một nửa ($\frac{1}{2}$) của số tiền 510.000.000đ x 50% - 52.500.000đ = 202.500.000 đồng. Vì cho rằng số tiền 510.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng ông V và bà H trong thời kỳ hôn nhân nên ông V chỉ được quyền yêu cầu $\frac{1}{2}$ trong số tài sản chung và bà U chỉ trả cho ông V số tiền $\frac{1}{2}$ của số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Phan Hoàng U, giữ nguyên Bản án số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tại thời điểm khởi kiện bị đơn cư trú tại quận T, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Sau khi tuyên án, trong thời hạn luật định bị đơn bà Võ Phan Hoàng U có đơn kháng cáo và đã thực hiện việc nộp án phí kháng cáo nên hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Phan Hoàng U thì thấy:

[3.1] Về số tiền nợ: Bà Võ Phan Hoàng U thừa nhận và không tranh chấp số tiền ông Lê Minh V chuyển vào tài khoản của bà 03 lần tổng cộng là 520.000.000 đồng. Hiện nay, bà U đã trả được cho ông V một lần 10.000.000

đồng và hai lần chuyển khoản với số tiền 52.500.000 đồng, tổng cộng đã trả 62.500.000 đồng, nên số tiền còn lại bà U còn phải trả là 457.500.000đ.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà U kháng cáo cho rằng chỉ có nghĩa vụ trả cho ông V ½ của số tiền 457.500.000đ vì đây là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa ông V và bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguyên tắc của quan hệ vay mượn thì bên vay phải có nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay, nghĩa là ông V chuyển tiền cho bà U mượn thì bà U phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông V, còn quan hệ tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H với ông Lê Minh V là quan hệ riêng, độc lập nếu có tranh chấp về phần tài sản chung sẽ giải quyết trong vụ án khác. Mặc khác, tại bản trình bày ngày 23/8/2023, bà Nguyễn Thị Ánh H khẳng định: “Đây là số tiền riêng của ông V cho bà U vay mượn, là tài sản riêng của ông V, ông V toàn quyền định đoạt, quyết định cho ai vay mượn đó là việc riêng của ông và không liên quan gì đến bà H”. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bị đơn bà Võ Phan Hoàng U phải trả cho ông V số tiền nợ gốc là 457.500.000đ là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi nên cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với số tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2023 là 11.656.437 đồng là đúng quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, phần đình chỉ này không bị kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 466 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Phan Hoàng U.

II. Giữ nguyên Bản án số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V đối với bà Võ Phan Hoàng U về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Võ Phan Hoàng U phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh V số tiền nợ là 457.500.000 đồng (bốn trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh V yêu cầu bà Võ Phan Hoàng U có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 22/5/2023 là 11.656.437 đồng (có hiệu lực pháp luật).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Phan Hoàng U phải chịu 22.300.000 đồng (hai mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Minh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Minh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.433.128 đồng (mười hai triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, một trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000091 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

III. Về án phí phúc thẩm là 300.000 đồng bà Võ Phan Hoàng U phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà U đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002234 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà U đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPĐà Nẵng;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo